

Bản án số: 94/2021/HS-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2021/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **TRẦN NGỌC TR;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1964 tại TP Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT: Số 17C Phan Ch, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; Nơi cư trú: Số 132/8 Ông Ích K, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ photocopy;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Con ông Trần S và bà Nguyễn Phước Thị S1 (đều đã chết); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ tư; Bị cáo có vợ là Trần Thị U và 02 con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005);

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 05 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

2. **TRẦN ĐÌNH P;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993 tại tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký HKTT: Xã Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Số 44 Đặng Nh, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Con ông Trần B và bà Võ Thị B1 (đều còn sống); Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ bảy;

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 05 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên toà.

3. **MAI T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại TP Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 67, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông;

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Con ông Mai Hoàng Y (đã chết) và bà Phạm Thị Y1 (còn sống); Bị cáo là con duy nhất; Bị cáo có vợ là Võ Lý Thảo Y2 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 14 tháng 9 năm 2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr:

1. Ông **Võ Văn O**; có mặt tại phiên toà.

2. Bà **Phan Thị Nhật O1**; có mặt tại phiên toà.

Đều là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng; Địa chỉ: VPLS Tân O2 - 44 Lý Thường Kiệt, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Thọ T1; sinh năm 1992; địa chỉ: xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Thu H; sinh năm 1993; địa chỉ: thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Lệ Q; sinh năm 1985; Địa chỉ: phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Hàn Thị T2; sinh năm 1965; địa chỉ: phường Hoà An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Trần Thị U; sinh năm 1972; địa chỉ: tổ 15 phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27 tháng 05 năm 2020, Công an phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng trình báo nội dung: Qua kiểm tra 01 hình ảnh chụp tài liệu “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” phát hiện chữ ký ở phần xác nhận của UBND phường Thanh Khê Tây là

chữ ký giả mạo. Từ nội dung đơn trình báo, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiến hành điều tra xác định:

Từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2020, Trần Ngọc Tr, Mai T và Trần Đình P đã cấu kết với nhau hình thành đường dây làm giả con dấu, tài liệu của nhiều cơ quan, tổ chức trên địa bàn TP Đà Nẵng nhằm mục đích bán kiếm tiền thu lợi. Để không bị phát hiện, Tr, T, P tổ chức hoạt động với phương thức khép kín, chặt chẽ trong đó Tr có vai trò là người trực tiếp thực hành làm tài liệu giả; T và P là người tìm kiếm khách hàng; Tr chỉ làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức do T đặt hàng, ngoài ra không làm cho người khác. Tương tự T cũng chỉ nhận làm tài liệu giả của cơ quan, tổ chức do P đặt hàng. Việc liên hệ đặt hàng giữa Tr, T, P thông qua phương thức liên lạc qua mạng xã hội Zalo và thư điện tử Gmail (P sử dụng Zalo “Trần Đình P” và thư điện tử “trandinhphap150293@gmail.com”; Tài sử dụng Zalo “Gia Bảo” và địa chỉ thư điện tử “cuomtadn.1991@gmail.com”, Tr dùng Zalo “AnhTT” tên hiển thị là “Tr”).

Khi Tr làm xong tài liệu giả thì đưa trực tiếp cho T, sau đó T đưa cho khách đặt qua T hoặc đưa cho P (nếu P đặt) để đưa cho khách.

Cách thức Trần Ngọc Tr làm giả tài liệu như sau: Trần Ngọc Tr hành nghề photocopy, in ấn tại tiệm photocopy “X” địa chỉ số 17C Phan Ch, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Quá trình kinh doanh, Tr thu thập nhiều hình ảnh con dấu của 121 cơ quan, tổ chức được cắt tách từ các tài liệu thật rồi lưu trữ vào 02 USB cá nhân với mục đích sử dụng để làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Khi có người yêu cầu làm giả, Tr sử dụng máy tính để canh chỉnh hình ảnh con dấu phù hợp rồi dùng máy in màu để in hình dấu lên tài liệu cần làm giả. Tr dùng bút viết giả mạo chữ ký của người có thẩm quyền vào tài liệu này. Trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2020, Trần Ngọc Tr, Mai T và Trần Đình P đã cấu kết với nhau thực hiện 03 lần làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn TP. Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 3 năm 2020, Lương Văn P1 nhờ Nguyễn Tây N đứng tên hồ sơ vay vốn tín dụng. Sau đó cả hai đến Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình - Phòng giao dịch Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam gặp Lê Thọ T1 (là nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình) để làm thủ tục vay vốn.

Quá trình lập hồ sơ, do N không có Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh nên không ký hợp đồng vay vốn được. Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, Phúc được biết Hàn Thị T2 (tên gọi khác là Tuyết) có quen biết với nhiều người công tác trong các cơ quan chính quyền địa phương nên liên lạc nhờ ký xác nhận Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh đứng tên của N tại địa bàn phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng thì T2 đồng ý. Sau đó Phúc nói T1 liên lạc với T2 để nhờ T2 liên hệ UBND phường Thanh Khê Đông xác nhận tình trạng kinh doanh cho N. T1 liên lạc với T2 để trao đổi về vấn đề trên thì T2 đưa số điện thoại 0935.651.653 của P cho T1 liên hệ. T1 liên lạc nhờ P liên hệ UBND phường Thanh Khê Đông cấp Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh cho N thì P đồng ý thực hiện với giá 2.000.000 đồng và nhận thông tin cá nhân của N từ T1. Sau đó P liên lạc với T đặt làm giả tài liệu trên với giá 500.000 đồng; T liên lạc với Tr đặt làm giả tài liệu trên với giá 100.000 đồng thì Tr đồng ý. Qua

ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô biển số 29T1-674.59 đến trước tiệm “X” gặp Tr để nhận tài liệu giả. Tại đây, T chụp ảnh tài liệu giả rồi gửi qua tài khoản zalo cho P xem. P tiếp tục chuyển hình ảnh này đến zalo “Lê T1” của T1 để kiểm tra. Lúc này, T1 phát hiện thông tin trong tài liệu bị sai nên yêu cầu sửa lại. P liên lạc với T để T yêu cầu Tr làm giả lại một tài liệu khác với nội dung đã chỉnh sửa theo yêu cầu của T1. Sau đó, T hủy tài liệu giả đã làm bị sai thông tin trước đó và yêu cầu Tr làm lại tài liệu khác. Sau khi Tr làm xong thì T đến lấy rồi điều khiển xe mô tô 29T1-674.59 mang theo tài liệu giả đến giao cho P tại ngã tư đường Huỳnh Ngọc Huệ - Cù Chính Lan, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng và nhận 500.000 đồng. P chuyển tài liệu giả này cho T1 bằng xe buýt và nhận số tiền 2.000.000 đồng từ T1 thông qua tài khoản ngân hàng BIDV mang tên Trần Đình P. Sau đó, T1 bổ sung tài liệu vào hồ sơ vay vốn của N.

Lần làm giả con dấu, tài liệu này P thu lợi 1.500.000 đồng, T thu lợi 400.000 đồng, Tr thu lợi 100.000 đồng. Đến ngày 12 tháng 10 năm 2020, Lê Thọ T1 giao nộp 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh, cấp cho Nguyễn Tây N cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê. Bản Kết luận giám định số 118/GĐ-TL ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định: “01 (Một) “GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG KINH DOANH” cần giám định ký hiệu A là giả”.

Lần thứ hai: Vào tháng 05 năm 2020, Lê Thị Mộng T3 cùng chồng là Trần X1 đến Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình - Phòng giao dịch Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam gặp Lê Thị Thu H (là nhân viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình) để lập hợp đồng vay vốn. Quá trình lập hồ sơ, do thiếu Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh nên không làm hợp đồng vay vốn được. T3 liên lạc với H để nhờ H tư vấn và được H giới thiệu có thể nhờ “dịch vụ” ký giấy xác nhận tài liệu trên. Sau đó H liên lạc với Hàn Thị T2 để nhờ giúp đỡ thì T2 đưa số điện thoại 0935.651.653 của P cho H liên hệ. H liên lạc nhờ P liên hệ UBND phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu xác nhận tình trạng kinh doanh cho Lê Thị Mộng T3 và Trần X1 thì P đồng ý nhờ ký giúp với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, H kể lại sự việc trên cho T3 biết rồi H tự soạn mẫu “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” đã điền đầy đủ thông tin và gửi cho P thông qua tài khoản thư điện tử “trandinhphap150293@gmail.com”. P nhận thông tin từ H và chuyển tiếp cho Tài qua tài khoản thư điện tử “cuomtadn.1991@gmail.com” đặt làm giả tài liệu này với giá 700.000 đồng. T chuyển thông tin cho Tr qua ứng dụng zalo đến tài khoản “Tr” để đặt làm giả tài liệu trên với giá 100.000 đồng. Qua ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô biển số 29T1-674.59 đến trước tiệm “X” gặp Tr giao tiền và nhận tài liệu giả rồi mang đến giao cho P tại đường Pasteur, TP Đà Nẵng để nhận 700.000 đồng. Sau đó P liên lạc và giao giấy xác nhận tình trạng kinh doanh giả này cho T3 thông qua dịch vụ giao hàng Grab và thu số tiền 2.000.000 đồng. T3 và X1 ký tên vào giấy xác nhận giả rồi giao cho H để bổ sung vào hồ sơ vay vốn.

Lần làm giả tài liệu này, P thu lợi 1.300.000 đồng, T thu lợi 600.000 đồng, Tr thu lợi 100.000 đồng. Đến ngày 25 tháng 9 năm 2020, Lê Thị Thu H giao nộp 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh, cấp cho Trần X1 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê. Bản Kết luận giám định số 117/GĐ-TL ngày

03 tháng 11 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định: “01 (Một) “GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG KINH DOANH” cần giám định ký hiệu A là giả”.

Lần thứ ba: Ngày 08 tháng 5 năm 2020, Nguyễn Thị Thu T4 đến Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình - Phòng giao dịch thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam gặp Lê Thị Thu H để làm hồ sơ vay vốn. Quá trình lập hồ sơ, do thiếu Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh nên không ký hợp đồng vay vốn được. T4 liên lạc với H để nhờ tư vấn và được H giới thiệu có thể nhờ “dịch vụ” ký giấy xác nhận tài liệu trên với giá 2.000.000 đồng thì T4 đồng ý. H liên lạc nhờ P liên hệ UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê ký Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh cho T4 với giá 2.000.000 đồng. Sau đó H soạn thảo nội dung Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh điền đầy đủ thông tin của T4 rồi gửi cho P thực hiện. P chuyển thông tin này cho T đặt làm giả Giấy xác nhận nêu trên với giá 600.000 đồng. T chuyển thông tin cho Tr đặt làm giả tài liệu trên với giá 100.000 đồng. Qua ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô biển số 29T1-674.59 đến trước tiệm “X” gặp Tr giao tiền và nhận giấy xác nhận giả rồi mang đến giao cho P tại ngã tư đường Huỳnh Ngọc Huệ - Cù Chính Lan, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng để nhận 600.000 đồng. P cho H biết đã làm xong tài liệu thì H yêu cầu P giao đến cho T4 tại địa chỉ 211B/4 Dũng Sỹ Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng rồi nhận tiền. Do bận công việc nên P nhờ Hàn Thị T2 giao tài liệu nêu trên cho T4 đồng thời nhận số tiền 2.000.000 đồng từ T4. T4 nhận giấy xác nhận tình trạng kinh doanh trên và phát hiện thông tin năm sinh của mình trong tài liệu bị sai nên gọi điện cho T2 để liên lạc với P yêu cầu làm lại. P liên lạc cho T để T liên lạc với Tr thực hiện yêu cầu trên. Sau đó Tr làm giả một Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh khác giao cho T để T chuyển cho T4 thông qua dịch vụ giao hàng “Grap”. T4 nhận được giấy xác nhận giả thì ký tên của mình và giao cho H để bổ sung vào hồ sơ vay vốn. Riêng Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh bị sai thông tin nêu trên T4 đã làm thất lạc nên không thu hồi được.

Lần làm giả tài liệu này, P thu lợi 1.400.000 đồng, T thu lợi 500.000 đồng, Tr thu lợi 100.000 đồng. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2020, Lê Thị Thu H giao nộp 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh, cấp cho Nguyễn Thị Thu T4 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê. Bản Kết luận giám định số 84/GĐ-TL ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định: “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” mẫu cần giám định ký hiệu A là giả”.

*** Vật chứng thu giữ:**

- Khám xét nơi làm việc của Trần Ngọc Tr tại cơ sở kinh doanh “X” thu giữ: 01 bộ máy vi tính gồm: 01 CPU có ghi chữ eMaster màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu SamSung màu đen Model: 633NW; 01 bộ máy vi tính gồm: 01 CPU không rõ nhãn hiệu màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu SamSung màu đen Model: S19A350N; 01 máy in màu hiệu EPSON L805 màu đen; 01 USB nhãn hiệu PNJ 16Gb màu bạc; 01 USB nhãn hiệu DTSE9 G2 USB 3.0 16Gb màu bạc; 05 giấy bản ghi nhận tấm lòng nhân ái do Trung tâm Nghệ thuật tình thương xác nhận; 01 quyển sổ kích thước 20x10cm, bìa có ghi chữ “Restaurant Kim Chi”.

- Thu giữ của Trần Ngọc Tr: 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S3 màu vàng, số Imei 1: 359929070600942/01, số Imei 2: 359930070600940/01; 02 Chứng minh nhân dân số 200534329 (cấp ngày 21 tháng 02 năm 2013 và cấp ngày 11 tháng 5 năm 2017) mang tên Trần Ngọc Tr.

- Thu giữ của Mai T: 01 điện thoại di động hiệu SamSung A51 màu trắng, số Imei 1: 352353112157521, Imei 2: 352354112157529.

- Thu giữ của Trần Đình P: 01 điện thoại hiệu Iphone X màu trắng 64Gb, số Imei: 356718087669492.

- Thu giữ của Lê Thị Thu H: 01 tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 23 tháng 5 năm 2020 của UBND phường Thanh Khê Tây cấp cho Nguyễn Thị Thu T4; 01 tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 18 tháng 5 năm 2020 của UBND phường Hòa Thuận Tây cấp cho Trần X1 và Lê Thị Mộng T3;

- Thu giữ của Lê Thọ T1: 01 tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 02 tháng 3 năm 2020 của UBND phường Thanh Khê Đông cấp cho Nguyễn Tây N.

*** Kết quả điều tra các vấn đề khác liên quan đến vụ án:**

Qua kiểm tra tài khoản zalo có tên “trandinhphap93” trong điện thoại di động của Trần Đình P bị thu giữ, phát hiện 03 hình ảnh chụp tài liệu nghi giả gồm: 01 “Giấy phép xây dựng số 2174/GPXD ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Hòa Vang cấp cho Phạm Thị Trà M; 01 “Giấy phép xây dựng số 14 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Hòa Vang cấp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất & TM Đại C; 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh do UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu cấp cho Trần Thị L. Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Lệ Q và các bị can Trần Ngọc Tr, Mai T và Trần Đình P thừa nhận làm giả 03 tài liệu này, cụ thể như sau:

Tài liệu thứ nhất: Khoảng tháng 01 năm 2020, Hồ Phước C (là Giám đốc công ty TNHH MTV Sản xuất & Thương mại Đại C) mang theo một bản photocopy Giấy phép xây dựng số 2174/GPXD ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Hòa Vang cấp cho vợ của C là Phạm Thị Trà M đến Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đà Nẵng gặp Nguyễn Thị Lệ Q (là nhân viên Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đà Nẵng, bạn của C) nhờ hỗ trợ trong việc lập hồ sơ vay vốn. Do Giấy phép xây dựng mà C cung cấp không đảm bảo để vay vốn nên Q nảy sinh ý định làm giả tài liệu này cho C để bổ sung hồ sơ. Ngày 13 tháng 01 năm 2020, Q chụp hình ảnh giấy phép xây dựng này rồi sử dụng tài khoản zalo tên “Quyên” chuyển thông tin cần làm giả cho P qua tài khoản zalo “Trần Đình P” đặt làm giả 01 Giấy phép xây dựng do UBND huyện Hòa Vang cấp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất & TM Đại C. P liên lạc với T đặt làm giả tài liệu trên với giá 500.000 đồng. T liên lạc với Tr đặt làm giấy phép xây dựng giả này với giá 150.000 đồng. Qua ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô biển số 29T1-674.59 đến trước tiệm “X” gặp và trả cho Tr 150.000 đồng, rồi T nhận giấy phép xây dựng giả mang đến giao cho P tại ngã tư đường Duy Tân – 2/9, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng và nhận 500.000 đồng. Sau đó, P

điều khiển xe mô tô biển số 43E1-279.42 mang giấy phép xây dựng giả đến giao cho Q tại trước Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Đà Nẵng ở đường Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng và nhận của Q số tiền 500.000 đồng. Q kiểm tra phát hiện giấy phép xây dựng giả trên bị sai một số nội dung nên liên lạc yêu cầu P làm giả giấy phép xây dựng khác. P liên lạc với T để T liên lạc với Tr thực hiện yêu cầu trên. Với cách thức tương tự, Tr đã làm giả một Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 15 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Hòa Vang cấp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất & TM Đại C rồi giao cho T và nhận số tiền 50.000 đồng; T mang tài liệu này đến giao cho P và nhận số tiền 100.000 đồng; sau đó P giao tài liệu giả này cho Q nhưng không lấy tiền công.

Lần làm giả tài liệu này, Q và P không thu lợi, T thu lợi 400.000 đồng, Tr thu lợi 200.000 đồng. Tuy nhiên do C không có nhu cầu vay vốn nữa nên Q đã vứt bỏ tài liệu nêu trên, nên quá trình điều tra đến nay vẫn chưa thu giữ được.

Tài liệu thứ hai: Đến khoảng đầu tháng 03 năm 2020, Nguyễn Thị Lệ Q nhận thấy Giấy phép xây dựng số 14/GPXD ngày 15 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Hòa Vang cấp cho Công ty TNHH MTV Sản xuất & TM Đại C không phù hợp nên gửi lại hình ảnh Giấy phép xây dựng số 2174/GPXD ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Hòa Vang cấp cho Phạm Thị Trà M mà Hồ Phước C đã cung cấp trước đó cho P để đặt làm giả 01 giấy phép xây dựng có nội dung tương tự để thay thế. P chuyển thông tin này cho T đặt làm giả với giá 500.000 đồng. T liên lạc với Tr đặt làm giấy phép xây dựng giả trên với giá 150.000 đồng. Qua ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô biển số 29T1-674.59 đến trước tiệm “X” gặp Tr giao tiền và nhận giấy phép xây dựng giả rồi mang đến giao cho P tại ngã tư đường Duy Tân – 2/9, TP Đà Nẵng để nhận 500.000 đồng. Sau đó, P điều khiển xe mô tô biển số 43E1-279.42 mang tài liệu đến giao trực tiếp cho Q tại trước Ngân hàng Kiên Long Bank - Phòng giao dịch Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng và nhận của Q số tiền 500.000 đồng.

Lần làm giả tài liệu này, Q và P không thu lợi, T thu lợi 350.000 đồng, Tr thu lợi 150.000 đồng. Sau đó, do C không muốn vay vốn nữa nên Q đã vứt bỏ 02 Giấy phép xây dựng số 2174/GPXD ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Hòa Vang (một bản photocopy do C cung cấp và một bản do P làm giả), nên quá trình điều tra đến nay vẫn chưa thu giữ được.

Tài liệu thứ ba: Khoảng tháng 8 năm 2020 Trần Thị L đến chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để lập hồ sơ vay vốn. Quá trình lập hồ sơ, Ngân hàng yêu cầu L bổ sung Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bản thân. Do bận công việc cá nhân không đi được nên L liên hệ Nguyễn Thị Lệ Q để nhờ tư vấn, giúp đỡ. Thời điểm này, Q biết Hàn Thị T2 có nhiều quan hệ quen biết với các cơ quan chính quyền địa phương nên giới thiệu cho L để thực hiện việc liên hệ xác nhận những tài liệu này. Sau khi thỏa thuận, L và T2 thống nhất với nhau việc ký giấy xác nhận nêu trên với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, T2 đến UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng nhưng chỉ liên hệ xác nhận được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (đúng với tình trạng hôn nhân của L) mà không xác nhận được Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh cho L, nên T2 nhờ P giao lại 02 Giấy xác nhận (01

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận và 01 giấy xác nhận tình trạng kinh doanh không có xác nhận) của Trần Thị L cho Q cùng số tiền 1.000.000 đồng còn dư. Vì biết L là bạn của Q nên P tự ý liên hệ với T đặt làm giả một giấy xác nhận tình trạng kinh doanh cho L với giá 500.000 đồng. T liên lạc với Tr đặt làm với giá 100.000 đồng. Qua ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô biển số 29T1-674.59 đến trước tiệm “X” gặp Tr để trả tiền và nhận giấy xác nhận giả rồi mang đến giao cho P tại ngã tư đường Huỳnh Ngọc Huệ - Cù Chính Lan, TP. Đà Nẵng để nhận số tiền 500.000 đồng. Sau đó, P điều khiển xe máy biển số 43E1-279.42 mang theo 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh giả do UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cấp cho Trần Thị L đến đưa cho Q ở trước Ngân hàng Kiên Long Bank - Phòng giao dịch Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cùng số tiền 500.000 đồng. Q nhận tài liệu và 500.000 đồng sau đó giao lại cho L để bổ sung hồ sơ vay. Sau khi nhận được tài liệu thì L bổ sung cho Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam nhưng bị từ chối cho vay do nghi ngờ Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh của L là tài liệu giả; L đã vứt bỏ tài liệu này, nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê chưa thu giữ được.

Lần làm giả tài liệu này, Q, P không thu lợi, T thu lợi 400.000 đồng, Tr thu lợi 100.000 đồng.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Thị Lệ Q và các bị cáo Trần Ngọc Tr, Trần Đình P, Mai T; biên bản xác minh tại UBND huyện Hòa Vang cùng hình ảnh thu được từ tài khoản zalo của bị can Trần Đình P; xác định có việc Q và các bị can Tr, P, T làm giả các tài liệu giả nêu trên. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án chỉ thu được dữ liệu điện tử là hình ảnh 02 tài liệu giả từ tài khoản zalo của bị can P và Phân viện khoa học Hình sự tại TP Đà Nẵng thuộc Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: Không đủ yếu tố để tiến hành giám định xác định 02 tài liệu trên là thật hay giả nên từ chối giám định đối với những tài liệu này; riêng đối với 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh do UBND phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cấp cho Trần Thị L thì chỉ thu được hình ảnh trích sao của văn bản nhưng không có chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu của cơ quan, tổ chức. Đến nay, thời hạn điều tra đã hết nhưng Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê vẫn chưa thu giữ được 03 bản gốc của tài liệu giả này. Do đó, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Q và các bị can Tr, P, Tài về 03 lần làm giả tài liệu nêu trên, khi nào đủ căn cứ sẽ tiếp tục xử lý theo đúng quy định của P luật.

* Bản Kết luận giám định số 291/C09C-Đ1 ngày 15 tháng 04 năm 2021 của của Phân viện khoa học Hình sự tại TP Đà Nẵng, thuộc Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an về việc phục hồi, trích xuất những tập tin dạng tài liệu văn bản và tập tin dạng hình ảnh có trên 02 (hai) bộ máy vi tính và 02 (hai) USB của bị can Trần Ngọc Tr, là tang vật chứng của vụ án được thu giữ tại cơ sở kinh doanh “X” địa chỉ 17C Phan Ch, TP Đà Nẵng; qua giám định đã phục hồi được 42,9Gb dữ liệu gồm:

- Có 30.928 tập tin dạng văn bản, qua phân loại phát hiện có 572 tập tin có nội dung “GIẤY CHỨNG NHẬN...”, “GIẤY XÁC NHẬN” của cơ quan, tổ

chức được soạn thảo từ năm 2012 có nội dung tương tự với những tài liệu mà bị cáo đã làm giả bị cơ quan Công an phát hiện; một số văn bản không có hình dấu của cơ quan, tổ chức và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền và một số văn bản chỉ có hình dấu của cơ quan, tổ chức).

- Có 14.788 tập tin hình ảnh, qua phân loại phát hiện một số hình ảnh scan các văn bản của cơ quan, tổ chức Nhà nước có hình dấu của cơ quan tổ chức và chữ ký của người có thẩm quyền xác nhận.

Trên cơ sở kết quả xác minh các tài liệu nêu trên được phục hồi từ 02 (hai) bộ máy vi tính và 02 (hai) USB của bị can Trần Ngọc Tr, nhận thấy: Đối với những tài liệu chỉ có thông tin cá nhân và nội dung đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nhưng không có dấu và chữ ký của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền xác nhận thì đều là của khách hàng nhờ Trần Ngọc Tr soạn văn bản, sau khi soạn văn bản theo yêu cầu của khách hàng xong thì Tr in ra đưa cho khách hàng nên không có cơ sở xác định Tr làm giả những tài liệu này. Đối với một số tài liệu có thông tin và nội dung và chữ ký của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền xác nhận, qua điều tra xác minh thì những tài liệu này là thật, do khách hàng mang đến để nhờ Tr scan không có cơ sở xác định Tr làm giả những tài liệu này. Đối với một số tài liệu có thông tin cá nhân và nội dung đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận đã có dấu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng không có chữ ký, qua điều tra thì nội dung văn bản là do khách hàng nhờ Tr soạn sẵn, sau khi in cho khách hàng xong thì Tr tập thực hành cắt ghép các con dấu copy qua những tài liệu này, sau khi cắt ghép xong thì Tr xóa bỏ, không có ai nhờ Tr làm giả những tài liệu này nên không có cơ sở xác định Tr làm giả những tài liệu này, nên không có cơ sở đề cập xử lý.

- Đối với những tài liệu đã phục hồi còn lại chưa xác minh, xét thấy không đủ cơ sở xác định những hành vi vi phạm P luật khác, nên cần yêu cầu Cơ quan CSĐT tách ra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Đối với 05 tờ giấy khổ A4 là “Bảng ghi nhận tấm lòng nhân ái” do Trung tâm Nghệ thuật tình thương UBND TP Đà Nẵng cấp, thu giữ của Trần Ngọc Tr. Theo Trần Ngọc Tr khai nhận, thì vào năm 2019 (không nhớ rõ thời điểm cụ thể), một người khách vắng lai mang 01 tài liệu là “Bảng ghi nhận tấm lòng nhân ái” đến tiệm “X” rồi yêu cầu photocopy. Tr thực hiện theo yêu cầu của người này là scan và in màu thành 05 (năm tài liệu) khác tuy nhiên sau đó người khách trên không đến nhận. Tr lưu giữ những tài liệu trên tại tiệm “X” và không sử dụng đến. Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2021 của Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê đối với 05 tài liệu trên, Trung tâm Nghệ thuật Tình thương xác định: *“Trung tâm có ban hành “Bảng ghi nhận tấm lòng nhân ái” ... tuy nhiên trung tâm không có chủ trương thực hiện việc photocopy các “Bảng ghi nhận tấm lòng nhân ái” nêu trên tại các cơ sở in ấn bên ngoài”*. Do Tr chỉ nhận làm dịch vụ phô tô tài liệu cho khách và không sử dụng vào mục đích vi phạm P luật nên không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự Tr đối với 05 tài liệu nêu trên.

- Đối với 01 Giấy Chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 168/2019/TTTP-CNĐK ngày 10 tháng 5 năm 2020 cho Lê Thị U1 thuộc Công

ty TNHH Thương mại dịch vụ và du lịch Cầu Vàng. Qua điều tra không xác định được ai là người làm giả tài liệu này nên cần tách ra yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, các bị can Trần Ngọc Tr, Mai T, Trần Đình P khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

N nhân dẫn đến các bị can Trần Ngọc Tr, Mai T, Trần Đình P phạm tội là do hám lợi nên cấu kết với nhau hình thành đường dây làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn TP Đà Nẵng nhằm mục đích bán kiếm tiền thu lợi.

*** Cáo trạng số 88/CT-VKSTK ngày 22 tháng 7 năm 2021**, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng truy tố Trần Ngọc Tr, Trần Đình P, Mai T về tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê có thay đổi một tình tiết của Cáo trạng là xác định Trần Ngọc Tr không có vai trò chủ mưu, cầm đầu mà xác định Tr, P có vai trò chính trong thực hiện hành vi phạm tội; đồng thời nhận định mức hình phạt của P bị đề nghị sẽ cao nhất; Tài tham gia vụ án với vai trò không đáng kể nên hình phạt thấp nhất. Cụ thể:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Đình P, Trần Ngọc Tr, Mai T phạm tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”,

- Bị cáo Trần Đình P: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo Trần Ngọc Tr: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Bị cáo Mai T: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 341; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự; Xử phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu, sung quỹ nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội là 01 bộ máy vi tính và 01 màn hình máy tính; 01 máy in màu; 01 điện thoại di động của Trần Ngọc Tr; 1 điện thoại di động hiệu của Mai T; 01 điện thoại của Trần Đình P và tiền thu lợi bất chính từ việc làm giả 03 tài liệu, con dấu của 03 bị cáo. Cần trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng không liên quan vụ án là 02 (hai) Chứng minh nhân dân cho Trần Ngọc Tr và 01 bộ máy vi tính, 01 (một) màn hình máy tính cho bà Trần Thị U. Cần truy thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ những lần làm giả tài liệu, con dấu nhưng không bị truy tố trong vụ án này.

*** Các bị cáo đều trình bày đã nhận thức được hành vi phạm tội là sai trái, tỏ ra ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.**

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Tr các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong thời gian từ khoảng tháng 01 đến tháng 8 năm 2020, Trần Ngọc Tr, Mai T, Trần Đình P đã cấu kết với nhau hình thành đường dây làm giả con dấu, tài liệu của nhiều cơ quan, tổ chức trên địa bàn TP Đà Nẵng nhằm mục đích bán kiếm tiền thu lợi. Các bị cáo đã 03 lần làm giả 03 con dấu, tài liệu gồm: 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh do UBND phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng cấp cho Nguyễn Tây N; 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh do UBND phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng cấp cho Lê Thị Mộng T3 và Trần X1; 01 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh do UBND phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng cấp cho Nguyễn Thị Thu T4. Số tiền thu lợi bất chính từ hoạt động làm giả con dấu, tài liệu của Tr là 300.000 đồng, của T là 1.500.000 đồng và của P là 4.200.000 đồng.

[2] Hành vi của Trần Ngọc Tr, Mai T, Trần Đình P đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Các bị cáo phạm tội có tổ chức, phạm tội 03 lần và làm giả 03 Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh nên cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng P luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có trình độ học vấn nhất định nên phải nhận thức được hành vi làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức là tội phạm nhưng vẫn cố ý cùng nhau thực hiện nhằm thu lợi bất chính. Các bị cáo phạm tội nhiều lần, nhiều tài liệu, con dấu giả nên cần phải bị cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích răn đe, giáo dục.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Trần Ngọc Tr, Trần Đình P, Mai T đều không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Ngọc Tr, Trần Đình P và Mai T đều tự thú, có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Tr có thời gian phục vụ trong quân đội, gia đình có công với cách mạng, bị cáo P có cha, mẹ là người có công với cách mạng, bị cáo Tài có hoàn cảnh gia đình khó khăn và người nhà của các bị cáo đều đã nộp lại tiền thu

lợi bất chính nên cả ba đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Tr đề nghị áp dụng cho bị cáo Tr các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt, do không phù hợp quy định P luật.

[5] Xét chuỗi hành vi phạm tội của Trần Ngọc Tr, Trần Đình P và Mai T thì thấy: Các bị cáo tham gia phạm tội theo từng cặp Tr có quan hệ với T, T với P. Trong đó, Tr phạm tội với vai trò người thực hành chính, lưu trữ sẵn trong USB nhiều mẫu chữ ký và con dấu của cơ quan có thẩm quyền để sử dụng làm giả tài liệu, con dấu khi có khách hàng. P là người có các mối quan hệ và liên hệ trực tiếp với khách hàng có nhu cầu. T làm trung gian, đem thông tin khách hàng từ P chuyển cho Tr và giao nhận tài liệu, con dấu giả từ Tr cho P. Do vậy, khi xem xét để quyết định hình phạt cho bị cáo Tr sẽ ở mức nghiêm khắc hơn so với P và P sẽ hơn so với T.

[6] Xét bị cáo Mai T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt. Đồng thời, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là tham gia với vai trò người giúp sức, làm trung gian giữa Trần Ngọc Tr và Trần Đình P, không trực tiếp làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và cũng không trực tiếp giao dịch, quan hệ với những đối tượng có nhu cầu mua con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Do vậy, Hội đồng xét xử cân nhắc cho bị cáo được áp dụng Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định.

[7] Về xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

Các vật chứng kèm hồ sơ vụ án có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ là:

- 05 (năm) giấy bản ghi nhận tấm lòng nhân ái do Trung tâm Nghệ thuật tình thương xác nhận; 01 (một) quyển sổ kích thước 20x10cm, bìa có ghi chữ “Restaurant Kim Chi” của Trần Ngọc Tr.

- 01 (một) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 23 tháng 5 năm 2020 của UBND phường Thanh Khê Tây cấp cho Nguyễn Thị Thu T4; 01 (một) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 18 tháng 5 năm 2020 của UBND phường Hòa Thuận Tây cấp cho Trần X1 và Lê Thị Mộng T3 do Lê Thị Thu H giao nộp.

- 01 (một) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 02 tháng 3 năm 2020 của UBND phường Thanh Khê Đông cấp cho Nguyễn Tây N do Lê Thọ T1 giao nộp.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston 64GB Datatravel100 chứa 42,9Gb dữ liệu phục hồi từ 02 (hai) bộ máy vi tính và 02 (hai) USB được thu giữ tại cơ sở kinh doanh “X”.

[8] Cần tịch thu, sung quỹ nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội là:

- 01 bộ máy vi tính gồm 01 CPU có ghi chữ eMaster màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu SamSung màu đen Model: 633NW; 01 máy in màu hiệu EPSON L805 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S3 màu vàng, số Imei 1: 359929070600942/01, số Imei 2: 359930070600940/01 của Trần Ngọc Tr.

- 01 điện thoại di động hiệu SamSung A51 màu trắng, số Imei 1: 352353112157521, Imei 2: 352354112157529 của Mai T.

- 01 điện thoại hiệu Iphone X màu trắng 64Gb, số Imei: 356718087669492 của Trần Đình P.

Tiền thu lợi bất chính từ việc làm giả 03 tài liệu, con dấu của 03 bị cáo cũng bị tịch thu, sung quỹ nhà nước gồm: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) của người nhà Trần Ngọc Tr; 4.200.000đ (bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) của người nhà Trần Đình P; 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) của người nhà Mai T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

[9] Cần trả lại cho chủ sở hữu các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo là:

- Trả 02 (hai) Chứng minh nhân dân số 200534329 (cấp ngày 21 tháng 02 năm 2013 và cấp ngày 11 tháng 5 năm 2017) cho Trần Ngọc Tr.

- Trả 01 bộ máy vi tính gồm 01 CPU không rõ nhãn hiệu màu đen và 01 (một) màn hình máy tính hiệu SamSung màu đen Model: S19A350N cho bà Trần Thị U.

[10] Cần tiếp tục truy thu, sung quỹ nhà nước đối với số tiền mà các bị cáo Trần Ngọc Tr, Mai T tham gia làm giả 03 tài liệu, con dấu có liên quan đến bà Nguyễn Thị Lệ Q nhưng không bị truy tố trách nhiệm hình sự trong vụ án này là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đối với Tr và 1.150.000đ (một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) đối với T.

[11] Trong vụ án này có hành vi của một số người có liên quan gồm:

- Đối với Hồ Phước C khai nhận bản photocopy Giấy phép xây dựng số 2174/GPXD ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Hòa Vang là giả, do bản thân tự soạn thảo và cắt dán con dấu, chữ ký xác nhận của ông Phạm Th (Chủ tịch UBND huyện Hòa Vang) từ tài liệu thật khác. Sau đó C đưa tài liệu này cho Nguyễn Thị Lệ Q. Hiện tại Q khai đã vứt bỏ tài liệu này do đó không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C về lần làm giả tài liệu này.

- Đối với Hàn Thị T2, Lê Thị Thu H, Lê Thọ T1 chỉ nhờ Trần Đình P liên hệ các cơ quan có thẩm quyền ký xác nhận giúp các tài liệu, không biết P có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và cũng không thu lợi từ hành vi phạm tội của các bị can; đồng thời hành vi của T2, Hà, T1 chưa gây ra hậu quả gì nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê không xử lý.

- Đối với Lương Văn P1, Lê Thị Mộng T3, Nguyễn Thị Thu T4, Trần Thị L do sự thiếu hiểu biết về P luật nên đã nhờ người khác thông qua các mối quan hệ xã hội để nhờ người có thẩm quyền ký các giấy xác nhận, không biết tài liệu được ký và đóng dấu xác nhận là do làm giả mà có được; đồng thời chưa gây ra hậu quả gì nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý.

- Đối với Trần X1 và Nguyễn Tây N không trực tiếp yêu cầu được cấp các tài liệu nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý.

- Đối với anh Trần Ngọc V (là em trai của Trần Ngọc Tr) chủ Doanh nghiệp tư nhân “X”. Quá trình kinh doanh, anh V cho Tr và bà Trần Thị U (là vợ của Trần Ngọc Tr) đặt thiết bị để kinh doanh dịch vụ photocopy tại đây. Anh V và bà U không biết Tr có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nên Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý.

- Đối với người phụ nữ tên Trâm và người nam thanh niên có hành vi thỏa thuận liên hệ các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho Nguyễn Lâm M1, Lê Thị H1. Do anh M1 và chị H1 chưa nhận tài liệu và giao tiền cho người phụ nữ tên Trâm và người nam thanh niên, đồng thời hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của Trâm và người nam thanh niên nên chưa có cơ sở để xử lý. Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Đối với chiếc xe máy hiệu Honda SH mode màu xám, biển số 29T1-674.59 do Mai T sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, qua xác minh do anh Lê Văn H2 làm chủ. Từ năm 2019, anh H2 cho em vợ là Võ Lý Thảo L1 (là vợ của Mai T) mượn để sử dụng làm phương tiện cá nhân. Sau đó, L1 cho T mượn phương tiện trên nhưng không biết việc T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với chiếc xe máy hiệu Yamaha Grande màu đen biển số 43E1-279.42 mà Trần Đình P sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, qua xác minh do chị Lê Hàn Quỳnh A làm chủ. Từ năm 2016, chị A giao chiếc xe trên cho mẹ là bà Hàn Thị T2 quản lý và sử dụng làm phương tiện cá nhân. Sau đó, bà T2 cho P mượn phương tiện này nhưng không biết việc P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

[12] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với quy định của P luật.

[14] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp P; do đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc Tr, Trần Đình P và Mai T phạm tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

1. Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2 Điều 341; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Tr 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2020.

2. Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2 Điều 341; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đình P 02 (hai) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2020.

3. Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 2 Điều 341; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Khoản 5 Điều 328 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Mai T 01 (một) năm 06 (sáu) ngày tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Mai T ngay tại phiên toà sơ thẩm nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm nào khác.

II. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án:

- 05 (năm) giấy bản ghi nhận tấm lòng nhân ái do Trung tâm Nghệ thuật tình thương xác nhận; 01 (một) quyển sổ kích thước 20x10cm, bìa có ghi chữ “Restaurant Kim Chi” của Trần Ngọc Tr.

- 01 (một) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 23 tháng 5 năm 2020 của UBND phường Thanh Khê Tây cấp cho Nguyễn Thị Thu T4; 01 (một) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 18 tháng 5 năm 2020 của UBND phường Hòa Thuận Tây cấp cho Trần X1 và Lê Thị Mộng T3 do Lê Thị Thu H giao nộp.

- 01 (một) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Giấy xác nhận tình trạng kinh doanh” ngày 02 tháng 3 năm 2020 của UBND phường Thanh Khê Đông cấp cho Nguyễn Tây N do Lê Thọ T1 giao nộp.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston 64GB Datatravele100 chứa 42,9Gb giữ liệu phục hồi từ 02 (hai) bộ máy vi tính và 02 (hai) USB được thu giữ tại cơ sở kinh doanh “X”.

2. Tịch thu, sung quỹ nhà nước:

- 01 bộ máy vi tính gồm 01 CPU có ghi chữ eMaster màu đen và 01 màn hình máy tính hiệu SamSung màu đen Model: 633NW; 01 máy in màu hiệu EPSON L805 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S3 màu vàng, số Imei 1: 359929070600942/01, số Imei 2: 359930070600940/01 của Trần Ngọc Tr.

- 01 điện thoại di động hiệu SamSung A51 màu trắng, số Imei 1: 352353112157521, Imei 2: 352354112157529 của Mai T.

- 01 điện thoại hiệu Iphone X màu trắng 64Gb, số Imei: 356718087669492 của Trần Đình P.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 7 năm 2021.)

- Số tiền: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) của người nhà Trần Ngọc Tr;
4.200.000đ (bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) của người nhà Trần Đình P;
1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) của người nhà Mai T đã nộp theo
các Biên lai thu tiền số 007599 ngày 20 tháng 9 năm 2021, số 007597 ngày 10
tháng 9 năm 2021, số 007598 ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án
dân sự quận Thanh Khê.

3. Trả lại:

- 02 (hai) Chứng minh nhân dân số 200534329 (cấp ngày 21 tháng 02 năm
2013 và cấp ngày 11 tháng 5 năm 2017) mang tên Trần Ngọc Tr cho Trần Ngọc
Tr.

- 01 bộ máy vi tính gồm 01 CPU không rõ nhãn hiệu màu đen và 01 (một)
màn hình máy tính hiệu SamSung màu đen Model: S19A350N cho bà Trần Thị
U.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận
Thanh Khê theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 7 năm 2021.)

4. Truy thu, sung quỹ nhà nước:

- Số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đối với Trần Ngọc Tr;

- Số tiền 1.150.000đ (một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) đối với
Mai T.

III. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị
quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường
vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án
phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Trần Ngọc Tr, Trần Đình P và Mai T mỗi người phải nộp án phí
hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

IV. Quyền kháng cáo:

Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án
trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án
trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật
Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án
dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện
thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi
hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30
Luật Thi Hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Bị cáo và người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an Q.Thanh Khê;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THAHS Công an Q.Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q.Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thanh Mai